

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/DS-ST  
Ngày: 06-7-2017  
V/v tranh chấp dân sự về  
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thuỳ Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Thanh Kiều;

Ông Nguyễn Văn Ninh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:***

Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 06-7-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số 11/2017/TLST-DS ngày 11-01-2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-DS ngày 21-6-2017 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1974, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Đặng Tấn L, sinh năm: 1975, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 28-3-2017).

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Kim N, sinh năm: 1973, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1975, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

- Chị Võ Thị Tý, sinh năm 1980;

- Chị Nguyễn Thị Ni Ni, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

*Các đương sự và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thùy T, trình bày:*

Chị và chị Đặng Kim N là bạn bè, chị N đã mượn tiền chị nhiều lần. Thời gian gần đến Tết Nguyên đán năm 2016, hai bên chốt nợ số tiền 89.000.000 đồng, không làm giấy tờ gì. Vào ngày 20-02-2016, chị N đến nhà chị mượn thêm 41.000.000 đồng, có viết và ký giấy nợ số tiền 130.000.0000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Mặc dù đã thỏa thuận lãi nhưng chị N không trả tiền lãi cũng như không trả tiền gốc lần nào cả.

Việc chị N cho rằng chị N đưa tiền chị đóng hụi để trả nợ cho chị là không có. Hụi chị tham gia là chị tự đóng và chị đang đóng hụi sống đầy đủ cho chủ thảo là bà Nguyễn Thị T, trú tại Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên chị không đồng ý lời trình bày của chị N.

Chị không biết mục đích mượn tiền của chị N. Khi chị N mượn tiền chị, chồng chị N là anh Huỳnh Thanh T không biết. Sau khi chị N làm giấy nợ nhưng không trả, chị đến nhà chị N đòi thì anh T mới biết chị N nợ tiền chị. Thời gian chị N mượn tiền chị là lúc vợ chồng chị N vẫn sống chung nhà và sinh hoạt chi tiêu chung, nên chị yêu cầu vợ chồng chị N, anh T cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*\* Theo Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn – chị Đặng Kim N trình bày:*

Chị mượn tiền của chị Nguyễn Thị Thùy T nhiều lần, tất cả những lần chị không nhớ hết. Chị chỉ nhớ mượn 02 lần tiền góp. Lần thứ nhất vào năm 2014, lần thứ hai vào năm 2015, mỗi lần 20.000.000 đồng, hai lần là 40.000.000 đồng, góp trong 60 ngày, mỗi ngày 800.000 đồng. Chị có góp được cho chị T nhưng góp không đủ, cũng không nhớ góp được bao nhiêu, cộng dồn những lần mượn nữa nên ngày 20-02-2016 âm lịch, chị mới viết cho chị T một giấy nợ 130.000.000 đồng.

Sau khi viết giấy nợ, chị T có hỏi thúc chị trả nợ, chị nói với chị T vô đầu hụi 2.500.000 đồng/tháng, hụi quy định mỗi tháng đóng hụi sống 2.000.000 đồng, chủ

thảo là bà Nguyễn Thị T, trú tại Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Chị đưa tiền cho chị T đóng hui 07 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng, nhưng chị tính theo lãi hui ra số tiền là 17.500.000 đồng. Như vậy, chị còn nợ số tiền: (1300.000.000 đồng – 17.500.000 đồng) = 112.500.000 đồng. Chị yêu cầu Tòa án xem xét trừ số tiền này vào số nợ gốc, nhưng chị không đồng ý đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu này mà yêu cầu Tòa án xác minh những người làm chứng.

Thời gian trước đây, khi chị làm tiệm uốn tóc, do mua vật dụng làm tiệm, chi phí trong gia đình nên chị mắc nợ, chị mượn nợ người này trả cho người kia. Hiện tại vợ chồng chị đang sống chung nhà, không xảy ra mâu thuẫn gì, sinh hoạt chi tiêu chung. Những lần mượn tiền của chị T thì chị trực tiếp đi mượn, không có mặt chồng chị. Sau này, khi chị T xuống lấy tiền đóng hui và đòi nợ thì chồng chị mới biết nhưng cũng không biết chị nợ chị T bao nhiêu tiền. Trong giấy nợ một mình chị ký tên nên đây là nợ riêng của chị. Chị đồng ý một mình trả cho chị T số tiền 112.500.000 đồng.

*\*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-6-2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Huỳnh Anh T trình bày:*

Anh là chồng của chị N, anh chị đang sống chung nhà, sinh hoạt chi tiêu chung, anh làm nghề buôn bán và vợ anh nội trợ gia đình. Chị N vay tiền chị T, anh không biết nên anh không đồng ý cùng chị N trả nợ cho chị T.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai, những người làm chứng – bà Nguyễn Thị T, chị Võ Thị T và Nguyễn Thị Ni N đều trình bày:* không biết việc chị N có đóng hui thay cho chị T hay không. Ngoài ra, bà T có nghe chị T và chị N nói rằng chị N đưa tiền cho chị T đóng hui để trả nợ cho chị T, nhưng hiện tại chị T đang đóng hui sống đầy đủ nên bà không có yêu cầu gì.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, việc xác định tư cách tham gia tố tụng và tổng đạt cho các đương sự đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc vợ chồng chị N, anh T có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

##### [1] Về tố tụng:

Các đương sự và người làm chứng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi thấy rằng:

Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần, không thể chấp tài sản hay giấy tờ gì. Vào ngày 20-02-2016 âm lịch, hai bên đã chốt nợ, bị đơn có làm giấy nợ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay và mục đích vay. Bị đơn có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án xem xét trừ số tiền 17.500.000 đồng vào số nợ gốc, nhưng bị đơn không đóng tạm ứng án phí theo đúng quy định pháp luật nên Tòa án không thụ lý xem xét yêu cầu này của bị đơn. Trong biên bản lấy lời khai ngày 20-4-2017 tại bút lục 38, nguyên đơn trình bày bị đơn có nói với nguyên đơn sẽ đóng hui thay cho nguyên đơn, nhưng đến ngày đóng hui thì bị đơn không có đóng lần nào cả. Tất cả các lần đóng hui đều là do nguyên đơn tự đóng. Mặt khác, những làm chứng đều khai giống nhau là không biết việc bị đơn có đóng hui thay cho nguyên đơn hay không. Bên cạnh đó, chủ thảo hui là bà T xác định nguyên đơn đang đóng hui sống cho bà nên bà không có yêu cầu gì. Bị đơn cho rằng có đưa tiền cho nguyên đơn đóng hui để trả nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Chứng cứ là giấy nợ đề ngày 20-02-2016 âm lịch, thể hiện bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 130.00.000 đồng. Và, trong bản tự khai tại bút lục số 17, bị đơn cũng đã xác nhận có nợ nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng chị N, anh T cùng có trách nhiệm trả nợ, thấy rằng:

Chị N, anh T đều trình bày một mình chị N vay nợ nên đây là nợ riêng của chị N, anh T không có trách nhiệm cùng chị N trả nợ. Tuy nhiên, anh chị xác định anh chị đang sống chung nhà, sinh hoạt chi tiêu chung, anh làm nghề buôn bán và chị nội trợ gia đình. Chị N khẳng định tại biên bản lấy lời khai ngày 13-6-2017 ( bút lục số 45), chị vay tiền chị T để trả nợ do tiêu xài chung trong gia đình. Mặt khác, chị T cho rằng số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay anh T và chị N vẫn sống chung nhà và sinh hoạt chi tiêu chung nên xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị N và anh T có trách nhiệm cùng trả cho chị T số tiền 130.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu tiền lãi.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc vợ chồng chị N, anh T có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 130.000.000 đồng.

Về án phí: Vợ chồng chị N, anh T phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết về án phí, lệ phí số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.**

Buộc chị Đặng Kim N và anh Huỳnh Thanh T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N và anh T không chịu trả số tiền nợ gốc nêu trên, thì hàng tháng chị N và anh T còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Đặng Kim N và anh Huỳnh Thanh T phải chịu 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011673 ngày 11-01-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Án xử sơ thẩm công khai, các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi đương sự cư trú.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**PHAN THÙY TRANG**